TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2022
" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Trình**
Ông **Trần Đức Hiếu**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lê Thị Dự –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Lê Phượng** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 312/2021/TLST – HNGĐ ngày 23/11/2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh H,** sinh ngày 31/01/1995; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 41, đường K, quận C, TP Đà Nẵng; Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Quang Tây,** sinh ngày 08/7/1987; Nơi cư trú: Số 83 đường C1, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2021, bản tự khai ngày 18/01/2022, biên bản hòa giải ngày 18/01/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trần Quang T kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 83

đường c 1, tổ 67, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 7/2021 mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tín ngưỡng tôn giáo, ông T ham chơi dẫn đến nợ nần, thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con và đã nhiều lần bạo hành với bà. Năm 2018 bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông T nhưng vì lúc đó con còn nhỏ nên bà đã tạo điều kiện cho ông T cơ hội xây dựng hành phúc gia đình. Tuy nhiên từ đó đến nay ông T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn, từ tháng 7/2021 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn thể hàn gắn được nữa. Do đó, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

- *Về con chung :* Bà Nguyễn Thị Thanh H xác nhận vợ chồng bà có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/6/2014. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu ông Trần Quang T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh H xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2022, biên bản hòa giải ngày 18/01/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Quang T trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Quang T xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh H về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Qúa trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách cũng như về tín ngưỡng tôn giáo, gia đình ông T theo Thiên chúa giáo nhưng bà H không chịu đi nhà thờ. Ngoài ra, ông T cũng thừa nhận các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn khác như tài chính, tiền bạc, vợ chồng xô xát nhau theo trình bày của bà H là đúng. Từ tháng 7/2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng, hiện bản thân ông vẫn còn tình cảm với vợ, thương con và theo giáo lý Thiên chúa giáo không cho phép ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

-*Về con chung :* Ông Trần Quang T thống nhất với trình bày của bà H xác định vợ chồng ông có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/6/2014. Nếu phải ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Hoàng N cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu trường hợp Tòa án giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Ông Trần Quang T xác định không có

-*Về nợ chung:* Ông Trần Quang T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 18/01/2022.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quang T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H, xử cho bà Huyên được ly hôn với ông T.

Về con chung: Xét thấy cháu N còn nhỏ ở độ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, tại bản tự khai cháu N cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, giao cháu N cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng, bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với thu nhập của ông T và phù hợp với mức sống thực tế tại địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T thống nhất xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* bị đơn là ông Trần Quang T có địa chỉ nơi cư trú tại: 83 đường C 1, tổ 67, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quang T kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 83 đường C, tổ 67, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7/2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Theo bà H và ông T trình bày thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống cũng như tín ngưỡng tôn giáo, ông T đã nhiều lần bạo hành đối với bà. Từ tháng 7/2021 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Theo bà H trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Ông T thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, bản thân ông còn yêu thương vợ, con và theo giáo lý Thiên chúa giáo không cho phép ly hôn, vì vậy ông không đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà H.

Như vậy, bà H và ông T đều thừa nhận các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, những mâu thuẫn này đã kéo dài nhiều năm và không hòa giải, hàn gắn được, từ tháng 7/2021 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H, ông T do chính quyền địa phương cung cấp xác định: Tại địa phương vợ chồng bà H, ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do mâu thuẫn về tín ngưỡng, tôn giáo và kinh tế gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quang T đã thực sự đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H, xử cho bà H được ly hôn với ông Trần Quang T.

[2.2] Về quan hệ con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quang T thống nhất xác định có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/6/2014. Nếu phải ly hôn bà H, ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần của trẻ em trên cơ sở tôn trọng ý kiến nguyện vọng của các cháu. Hiện cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của

người mẹ, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác bản thân bà H cũng có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Trần Nguyễn Hoàng N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà H yêu cầu ông Tây cấp dưỡng nuôi con mỗi thàng 2.000.000 đồng là phù hợp với thu nhập của ông T và mức sống tại địa phương, tại phiên tòa ông T cũng thống nhất với mức cấp dưỡng bà H yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Trần Quang T cấp phải dưỡng nuôi con chung Trần Nguyễn Hoàng N mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Trần Quang T thống nhất xác định không có.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Trần Quang T thống nhất xác định không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đối với bị đơn ông Trần Quang T về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

***2.1 Về quan hệ hôn nhân*:** Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Trần Quang T.

***2.2 Về con chung*:** Giao con chung Trần Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Buộc ông Trần Quang Tây phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Nguyễn Hoàng N mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu Nin đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Quang T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.3 *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Trân Quang T xác định không có.

2.4 *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Trân Quang T xác định không có.

2.5. Về án phí**:** Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0001620 ngày 23/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ *(như vậy bà Huyên đã nộp đủ án phí).*

Buộc ông Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (GCNĐKH số 121/2013 ngày 08/11/2013)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cương